

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **85/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-7-2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phước

Ông Trịnh Sâm Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Ông Nguyễn Duy Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 400/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị A, sinh năm 1987

Địa chỉ: 274, tổ 19, ấp 3, xã T1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Trương Hoàng T, sinh năm 1982

Hộ khẩu thường trú: tổ 19, ấp 3, xã T1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Hiện nay đang chấp hành án tại: Phân trại 4, Trại giam T2, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 505/2017/HS-PT ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh).

(*Đương sự vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông T tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 474, quyển số 2 ngày 16/10/2007.

Quá trình chung sống không hạnh phúc, do ông T không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên vi phạm pháp luật, thời gian ở tù nhiều hơn ở nhà, một mình tôi nuôi con. Ông T bị bắt từ năm 2016, hiện nay ông T đang chấp hành án tù chung thân về tội “Giết người” tại Trại giam T2, tỉnh Bình Thuận. Nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thời gian tôi và ông T sống ly thân đã lâu; tình cảm giữa tôi và ông T không còn, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với ông Trương Hoàng T.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Trương Ngọc N, sinh ngày 17/01/2009. Ly hôn tôi yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại Bản tự khai đề ngày 17/6/2022, bị đơn ông Trương Hoàng T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Trần Thị A kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện Long Thành. Khi đăng ký kết hôn cả hai đều tự nguyện.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hòa thuận và hạnh phúc. Tôi và chị Trần Thị A bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào tháng 6/2016, nguyên nhân là tôi bị bắt và bản án của tôi quá dài, nên chị Trần Thị A không thể tiếp tục chờ đợi tôi hết án trở về. Nay chị Trần Thị A xin ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Ngọc N, sinh ngày 17/01/2009. Hiện nay cháu đang sống với chị An. Nếu vợ chồng ly hôn thì chị Trần Thị A sẽ là người nuôi con và không cần cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị A được ly hôn với ông Trương Hoàng T.

+ Về con chung: Giao con chung Trương Ngọc N, sinh ngày 17/01/2009 cho bà Trần Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn. Tạm thời ông Trương Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà A phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị A và bị đơn ông Trương Hoàng T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà A và ông T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị A và bị đơn ông Trương Hoàng T tự nguyện đăng ký kết hôn, được UBND thị trấn L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 474, quyển số 2 ngày 16/10/2007. Căn cứ Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định hôn nhân giữa bà Trần Thị A và ông Trương Hoàng T là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Trần Thị A khởi kiện yêu cầu ly hôn với lý do tình trạng hôn nhân giữa bà và ông T là trầm trọng, ông T bị bắt về tội “Giết người” từ năm 2016, từ đó đến nay vợ chồng không sống chung. Bà A xác định không còn tình cảm với ông T và yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Bị đơn ông Trương Hoàng T thừa nhận tình trạng hôn nhân của hai người theo như bà A trình bày, ông T đồng ý ly hôn với bà A.

Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, đã sống ly thân, không muốn hàn gắn đoàn tụ cũng như cả hai đều có nguyện vọng ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A về việc xin ly hôn với ông Trương Hoàng T.

[3.2] Về con chung:

Bà A và ông T có 01 con chung là Trương Ngọc N, sinh ngày 17/01/2009, hiện nay con chung đang do bà A nuôi dưỡng.

Bà A và ông T đã thống nhất ly hôn bà A là trực tiếp nuôi dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử ghi nhận giao con chung cho bà A nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do không có yêu cầu, nên tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Bà A và ông T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà A và ông T xác định không có nợ chung. Nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị A được ly hôn với ông Trương Hoàng T.

2. Về con chung: Giao con chung Trương Ngọc N, sinh ngày 17/01/2009 cho bà Trần Thị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời ông Trương Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trương Hoàng T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà A đã nộp, theo Biên lai thu số 0005692 ngày 09/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí bà A phải chịu. Bà A đã nộp xong.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Phước

Trịnh Sâm Châu

Phạm Ngọc Quyền

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã Phước Bình;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

